| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 685/2025/DS-PT
Ngày 18 - 6 - 2025
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11 và 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc "*Tranh chấp thừa kế tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DSST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1768/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Bùi Thanh V. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: 103/43 T, khu phố D, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: D H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Ông Bùi Thế Q (đã chết).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961. *(Vắng mặt)*

2. Bà Bùi Nguyễn Trang T, sinh năm 1989. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú: 1025/250 (số cũ B) C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 07/4 tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp của bà H1, bà T1:* Bà Phạm Thị Ngọc T2. *(Có mặt)*

Địa chỉ: D Hồ N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan:**

1. Ông Bùi Thế T3. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: 103/356 T, tổ A, khu phố D, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Bùi Thanh H2. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: I T, khu phố A, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Bùi Thế L. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 103/43 T, khu phố D, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Jimmy The Nang B (Bùi Thế N). *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: G L, U, Bristol, CT 06101, USA.

*Người đại diện hợp pháp của ông T3, bà L, bà H2, ông N:* Bà Nguyễn Thị Kim H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: D H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị Mỹ A. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: E H, khu phố A, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1961. *(Vắng mặt)*

7. Bà Bùi Nguyễn Trang T, sinh năm 1989. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bà H1, bà T1:* Bà Phạm Thị Ngọc T2. *(Có mặt)*

Địa chỉ: D Hồ N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị H1 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn..

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2017, bản khai và các biên bản của Tòa án, nguyên đơn là bà Bùi Thanh V và người đại diện hợp pháp trình bày:*

Cha mẹ nguyên đơn là ông Bùi Hữu K (mất ngày 27/11/1997) và bà Trang Ngọc X (mất ngày 17/6/1987) là chủ sở hữu căn nhà số cũ B (số mới là A) C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là nhà số A). Nguồn gốc

căn nhà là do cha mẹ nguyên đơn mua trả góp của T5 (nay là Công ty Q1 ở Thành phố Hồ Chí Minh) từ năm 1961 và đã trả hết tiền mua nhà theo hợp đồng số 73/248 ngày 18/10/1973 căn cứ giấy chứng nhận số 805/QLNO/CS do Công ty quản lý nhà ở cấp ngày 25/6/1977.

Ngày 17/6/1987, bà Trang Ngọc X chết. Ngày 27/11/1997, ông Bùi Hữu K chết. Cha mẹ nguyên đơn có 07 con chung là: Bùi Thế Q (sinh năm 1951), Bùi Thế T3 (sinh năm 1952), Bùi Thanh V (sinh năm 1955), Bùi Thế H3 (sinh năm 1962, đã chết năm 2007), Bùi Thanh H2 (sinh năm 1965), Bùi Thế L (sinh năm 1969), Bùi Thế N (J) đang định cư ở Mỹ.

Sau khi cha mẹ nguyên đơn mất, các anh em nguyên đơn thống nhất giao căn nhà 1025/25C cho ông Bùi Thế Q trực tiếp quản lý, sử dụng. Hiện nay, do hoàn cảnh kinh tế của các anh chị em đều khó khăn, sức khỏe yếu vì bệnh tật nên đã rất nhiều lần yêu cầu ông Q bán di sản của cha mẹ để lại nêu trên để chia đều cho các anh em nhưng ông Q không đồng ý và ông Q lưu giữ toàn bộ bản chính giấy tờ căn nhà này, không chịu giao ra cho các anh chị em.

Các con của ông Bùi Hữu K đã thực hiện theo di chúc của ông Bùi Hữu K đối với phần đất tại Đồng Nai, do vậy không ai có tranh chấp đối với phần đất này.

Khi ông Bùi Hữu K lập di chúc, ông K chưa tiến hành kê khai di sản của bà Trang Ngọc X. Ông K chỉ lập di chúc đối với phần tài sản của ông K, ông K không có quyền định đoạt di sản của bà X. Tại thời điểm bà Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế H3, ông Bùi Thế L, ông Bùi Thế T3 thực hiện đơn khước từ di sản thừa kế thì vẫn chưa tiến hành đăng ký kê khai di sản của ông Bùi Hữu K và bà Trang Ngọc X.

Nguyên đơn không thừa nhận chữ ký của bà Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế H3, ông Bùi Thế L trên Hợp đồng ủy quyền ngày 25/9/2012, nhưng nguyên đơn không yêu cầu giám định chữ ký.

Nguyên đơn đồng ý với Chứng thư thẩm định giá số 2006001/2022/CT-SGL ngày 02/7/2022, kết quả thẩm định giá nhà đất số 1025/25C có giá trị quyền sử dụng đất là 4.980.000.000 đồng, giá trị công trình xây dựng là 199.200.000 đồng, tổng cộng là 5.179.200.000 đồng.

Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện như sau:

- Tuyên một phần di chúc tài sản cố định do ông Bùi Hữu K lập ngày 08/6/1996 liên quan đến nhà đất B1 (số mới là A) Cách mạng Tháng tám, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị vô hiệu.

Tuyên bố văn bản khước từ di sản ngày 08/3/2006 là vô hiệu do giả tạo.

- Phân chia di sản của cha mẹ nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu K1 và bà Trang Ngọc X để lại là căn nhà số cũ 1025/25C theo quy định của pháp luật cho

các con của ông Bùi Hữu K và bà Trang Ngọc X gồm: Ông Bùi Thế Q, sinh 1951, Ông Bùi Thế T3, sinh 1952, Bà Bùi Thanh V, sinh 1955, Ông Bùi Thế H3, sinh 1955, mất năm 2007, Bà Bùi Thanh H2, sinh 1965, Ông Bùi Thế L, sinh 1969, Ông Bùi Thế N (J).

Do Ông Bùi Thế H3 chết, không có con, có vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1980 có Bản tự khai ngày 06/4/2022 (do Văn phòng C – tỉnh Đồng Nai chứng nhận số 249, quyển số 01/2022-SCT/CK, ĐC) từ chối nhận di sản thừa kế. Do đó di sản của ông K bà X sẽ được chia theo pháp luật cho 6 người gồm ông Q, ông T3, bà V, bà H2, ông L và ông N.

Phần thừa kế nguyên đơn được hưởng là 1/6 giá trị nhà đất số A, giá trị căn nhà theo kết quả định giá là 5.179.200.000, phần thừa kế nguyên đơn được hưởng là 863.200.000 đồng.

Đại diện nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản giấy đề ngày 14/6/2023 "Viết lại cuộc đàm điện thoại giữa Bùi Thế N và Bùi Thế Q vào ngày 19/7/2018" (không kèm usb ghi âm). Nguyên đơn không yêu cầu giám định đoạn ghi âm vì không thể cung cấp mẫu giọng nói của các nhân vật đối thoại trong bản ghi âm là ông Q (đã chết), ông N (đang ở nước ngoài).

*Tại yêu cầu phản tố, Đơn xác định lại yêu cầu phản tố ngày 10/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn – bà Phạm Thị Ngọc T2 trình bày:*

Bị đơn đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông K và bà X.

Ông Bùi Hữu K và bà Trang Ngọc X có 07 (bảy) người con chung là: Ông Bùi Thế Q, sinh 1951; Ông Bùi Thế T3, sinh 1952, Bà Bùi Thanh V, sinh 1955; Ông Bùi Thế H3, sinh 1955, mất năm 2007; Bà Bùi Thanh H2, sinh 1965; Ông Bùi Thế L, sinh 1969; Ông Bùi Thế N (J).

Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà tạo lập được các tài sản gồm căn nhà B và nhà đất tại số A T, khu X, thị trấn X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Nguồn gốc căn nhà 2 do bà Trang Ngọc X mua của T5 và Địa ốc theo Hợp đồng số 73/248 ngày 18/10/1973 bằng hình thức trả góp và đã thanh toán xong vào tháng 6/1973. Ngày 25/6/1977, Công ty Q1 đã cấp Giấy chứng nhận số 805/QLNO/CS xác nhận nhà đã thanh toán đầy đủ. Ngày 02/8/2006, Công ty Q1 cấp Giấy chứng nhận số 21/TCKT-QLKDN về việc đã trả hết tiền mua nhà.

Ngày 02/01/1978, ông Q đã đăng ký kê khai theo Giấy chứng nhận số 0028 do UBND Phường xác nhận. Ngày 01/8/1999, ông Bùi Thế Q đã đăng ký kê khai nhà đất theo Quyết định 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố H. Đồng thời, ông Q cũng là người quản lý sử dụng và đóng tiền sử dụng đất cũng như việc tôn tạo mở rộng, tu bổ để có hiện trạng nhà đất như

hiện nay. Căn nhà nói trên chưa đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ngày 17/6/1987, bà Trang Ngọc X chết không để lại di chúc. Cha mẹ bà X chết trước bà X.

Ngày 01/6/1996, ông Bùi Thế K2 lập văn bản có tiêu đề DI CHÚC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, có 06 người con và bà Nguyễn Thị Ngọc D là cháu nội đã đồng ý nội dung phân chia tài sản chung của hai Ông Bà (trừ ông Bùi Thế N đang ở nước ngoài). Cụ thể, ông K2 để lại toàn bộ phần tài sản căn nhà số A cho ông Bùi Thế Q.

Ngày 27/11/1997, ông Bùi Hữu K chết. Cha mẹ ông K chết trước ông K. Ông Q không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn vì: Cha ông và các em đã tự nguyện, đồng thuận thực hiện việc phân chia tài sản chung theo văn bản có tiêu đề DI CHÚC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH với nội dung để lại toàn bộ tài sản căn nhà B cho ông Q. Ngày 08/03/2006, các ông, bà Bùi Thế T3, Bùi Thanh V, Bùi Thế H3, Bùi Thanh H2, Bùi Thế L đã ký văn bản khước từ tài sản thừa kế đối với nhà đất nói trên nhất trí để cho ông Q thừa hưởng tài sản này. Văn bản khước từ di sản được UBND Phường X, thị xã L chứng thực chữ ký. Tại các Đơn khước từ di sản thừa kế của Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế H3, ông Bùi Thế L, ông Bùi Thế T3, phần được đánh máy sẵn là do ông Bùi Thế Q đưa cho những người trên, phần chữ viết bằng tay là chữ của bà Bùi Thanh V, còn phần chữ ký thì đúng là chữ ký của từng người là bà Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế H3, ông Bùi Thế L, ông Bùi Thế T3. Từ công văn số 804 ngày 14/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T và công văn 177 ngày 28/8/2003 của UBND quận T thì ông Q mới cho bà Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế H3, ông Bùi Thế L, ông Bùi Thế T3 thực hiện các Đơn khước từ di sản thừa kế. Tại thời điểm lập di chúc cố định, ông Bùi Hữu K chưa tiến hành kê khai di sản đối với phần tài sản của bà Trang Ngọc X. Tuy nhiên, do những người thừa kế khác đã lập tờ khước từ di sản thừa kế đồng nghĩa họ đã khước từ toàn bộ di sản của ông K và bà X để lại.

Tại tờ đăng ký nhà đất năm 1999, ông Q có ghi là "con thừa kế quản lý" tại mục người đăng ký là do ông Q không hiểu biết pháp luật. Tuy nhiên ông Q cho rằng mình được ông K để di chúc căn nhà cho ông toàn quyền quyết định sở hữu.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q là bà Nguyễn Thị H1 và bà Bùi Nguyễn Trạng T4 giữ nguyên yêu cầu phản tố đề ngày 09/09/2017 của ông Bùi Thế Q yêu cầu Toà án công nhận nhà đất tại số A (số cũ B) thuộc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở của ông Bùi Thế Q có người thừa kế là bà Nguyễn Thị H1 và bà Bùi Nguyễn Trang T. Theo DI CHÚC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ngày 01/6/1996, ông Bùi Thế N không được cha để lại di sản nhưng vẫn được hưởng 01 phần từ di sản của mẹ là 1/16 (một phần mười sáu) giá

trị căn nhà do bà Trang Ngọc X mất không để lại di chúc. Các thừa kế của ông Q yêu cầu được nhận toàn bộ di sản là bằng hiện vật là nhà đất nhà đất tại số A và thanh toán 1/16 (một phần mười sáu) giá trị di sản cho ông Bùi Thế N (Jimmy T).

Kể từ thời điểm thực hiên Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 23/11/2017 đến nay, hiện trạng nhà đất tranh chấp không thay đổi gì. Nhà đất tranh chấp cũng không thay đổi gì so với thời điểm ông K và bà X giao nhà cho ông Q. Do vậy người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q không yêu cầu trả chi phí sửa chữa, cải tạo, tu bổ và công sức tôn tạo giữ gìn nhà. Phía bị đơn không tranh chấp, không có yêu cầu gì đối với nhà đất tại số A T, khu X, thị trấn X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Hợp đồng ủy quyền thực hiện ngày 25/9/2012 đúng là chữ ký của bà Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế H3, ông Bùi Thế L. Ông Bùi Thế Q chưa sử dụng Hợp đồng ủy quyền này để thực hiện giao dịch nào, hợp đồng này được thực hiện theo yêu cầu của bên văn phòng đăng ký đất đai khi ông Q đi đăng ký quyền sử dụng đất. Ông Q cũng chưa thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo công văn số 22 ngày 07/02/2007 của UBND quận T.

Nhà đất số A hiện không còn ai cư trú, nhà đóng cửa. Bà Nguyễn Thị H1 đã chấm dứt hợp đồng thuê nhà với ông Vương Minh H4 và bà Trần Thị Cẩm V1 từ tháng 2/2019 nên ông H4 và bà V1 không còn cư trú tại địa chỉ trên từ tháng 2/2019 đến nay.

Bị đơn đồng ý với Chứng thư thẩm định giá số 2006001/2022/CT-SGL ngày 02/7/2022. Bị đơn không đồng ý với chứng cứ là văn bản đề ngày 14/6/2023 do đại diện nguyên đơn nộp có nội dung "Viết lại cuộc đàm điện thoại giữa Bùi Thế N và Bùi Thế Q vào ngày 19/7/2018". Bị đơn không yêu cầu giám định đoạn ghi âm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L, ông Bùi Thế N có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:* Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn. Ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu huỷ văn bản khước từ di sản ngày 08/3/2006 do giả tạo.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, bà Bùi Nguyễn Trang T có người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Ngọc T2 trình bày:* Thống nhất với ý kiến của bị đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mỹ A trình bày:* Bà là vợ của ông Bùi Thế H3. Bà và ông H3 không có con chung. Bà xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp ông H3 được hưởng thừa kế di sản là một phần căn nhà số A thì bà là người thừa kế của ông H3 cũng không nhận phần di sản này.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DSST ngày 15 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 5, Điều 93, khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 613, 632, 633, 636, 647, 649, 650, 651, 652, 653 và 670 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 14, Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1984; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thanh V về việc hủy Di chúc tài sản cố định của ông Bùi Hữu K lập ngày 05/6/1996.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Bùi Thế Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị H1, bà Bùi Nguyễn Trang T) về việc công nhận ông Bùi Thế Q được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất số A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thanh V và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L về việc tuyên bố các Đơn khước từ di sản lập ngày 08/3/2006 là vô hiệu do giả tạo.

4. Hủy bỏ các đơn khước từ di sản do bà Bùi Thanh V, ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L lập ngày 08/3/2006.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thanh V về việc chia di sản của bà Trang Thị X1 là nhà đất số A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh:

5.1. Xác định di sản của bà Trang Thị X1 và ông Bùi Hữu K là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất số A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận số 805/QLNO/CS do Công ty quản lý nhà ở cấp ngày 25/6/1977.

5.2. Những người được thừa kế di sản của bà Trang Thị X1 gồm: Ông Bùi Hữu K, ông Bùi Thế Q, ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L, ông Bùi Thế N (J).

5.3. Người được thừa kế di sản của ông Bùi Hữu K là ông Bùi Thế Q.

5.4. Di sản của bà Trang Thị X1 và ông Bùi Hữu K được phân chia như sau:

- Ông Bùi Thế Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị H1, bà Bùi Nguyễn Trang T) được hưởng 9/14 (Chín phần mười bốn) giá trị nhà đất A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L, ông

Bùi Thế N (J) mỗi người được hưởng 1/14 (Một phần mười bốn) giá trị nhà đất số A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 29/01/2025, bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với nội dung: yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng: tuyên văn bản DI CHÚC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ông Bùi Hữu K lập ngày 01/6/1996 và các văn bản khước từ di sản ngày 08/3/2006 là hợp pháp và có giá trị pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1 trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng án sơ thẩm nhận định và tuyên Văn bản khước từ di sản của các ông bà Bùi Thanh V, Bùi Thế T3, Bùi Thanh H2, Bùi Thế L vô hiệu do quá thời hạn từ chối nhận di sản theo quy định tại khoản 3 Điều 642 Bộ luật Dân sự năm 2005 là chưa đúng hoàn toàn với nội dung điều luật, từ đó tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở. Để nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của ông Bùi Thế Q - có người thừa kế là bà Nguyễn Thị H1 và Bùi Nguyễn Trang T theo Di chúc tài sản cố định ngày 01/6/1996. Đối với ông Bùi Thế N không được ông K để lại di sản và không có văn bản khước từ di sản nên chỉ đồng ý chia thừa kế cho ông N bằng 1/16 giá trị nhà do bà X1 chết không để lại di chúc. Đồng thời, yêu cầu được nhận hiện vật. Khi ông Q còn sống có cho thuê nhà để lấy tiền lo thuốc thang chữa trị, sau đó về sống tại Long An và mất. Hiện tại ngôi nhà đang tranh chấp đang đóng cửa, không còn cho thuê.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng ông T3, bà H2, ông N cho rằng Di chúc tài sản cố định ngày 01/6/1996 chỉ thể hiện ý chí cá nhân của người lập di chúc là cụ K, không thể hiện ý chí của cụ X1, và đây là di chúc đơn phương định đoạt phần tài sản của cụ K chứ không phải ý chí của các con về việc chia di sản của cụ bà X1. Về nội dung, di chúc chỉ trao quyền cho ông Q quyền thừa kế - ủy quyền ("*được thừa kế - được ủy quyền*") chứ không phải là cho hẳn, trong khi mảnh đất ở X, Đồng Nai lại ghi rõ là "được thừa hưởng". Cần xem nội dung "... *nhà ở cố định phải được lưu truyền cho con cháu về sau...*" trong Di chúc là không tặng riêng cho ai. Lẽ ra nguyên đơn không khởi kiện vì nghĩ rằng đây vẫn là tài sản chung để cùng sử dụng nhưng khi con cháu trưởng thành cần chỗ ở tại Thành phố Hồ Chí Minh để đi học hoặc đi làm thì không được vào nhà ở mà vợ chồng

ông Q để cho con cháu họ hàng bên vợ vào ở và còn cho thuê lại nhà. Do ông Q cho rằng đã đứng tên riêng đối với nhà đất này nên bà V mới khởi kiện. Đối với các văn bản khước từ di sản là do ông Q bảo mọi người làm để ông làm thủ tục xin phép sửa nhà thì anh chị em mới ký vào chứ ông không nói mục đích đi làm giấy chủ quyền. Như vậy là gian dối. Ngoài ra thời gian Văn bản khước từ được lập là đã quá thời hạn 06 tháng sau khi cụ K chết. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Bùi Thế L thống nhất theo ý kiến của đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Ông cho rằng khi ông Q còn sống, ông Bùi Thế N có gọi điện thoại từ nước ngoài về phản đối việc ông Q tự đăng ký quyền sở hữu riêng đối với nhà ở đang tranh chấp, lúc này ông Q cũng tự nhận là ông có toàn quyền đứng tên theo di chúc. Đây là sự cố chấp, bỏ qua quyền lợi chung của các anh chị em và của chính ông N. Nay yêu cầu chấp nhận phán quyết của án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của tất cả những người thừa kế của cụ X1, cụ K.

Các đương sự thống nhất nội dung khai báo về về thời gian cụ X1, cụ K mất, về nguồn gốc tài sản tranh chấp, về kết quả thẩm định giá, không yêu cầu tính công sức gìn giữ, tôn tạo tài sản.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: giai đoạn giải quyết ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định; tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng có mặt đã thực hiện đúng quy định tố tụng.

Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 có cơ sở chấp nhận một phần – căn cứ khoản 2 Điều 642 Bộ luật Dân sự năm 2005 về từ chối nhận di sản thì trình bày của nguyên đơn về yêu cầu này bị cắt đi một phần, nên án sơ thẩm nhận định Văn bản khước từ di sản vô hiệu do quá thời hạn từ chối là chưa đúng so với nội dung của điều luật đã viện dẫn. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần này. Về di chúc, tại phần IV CÁC ĐIỀU DI HUẤN CỦA DI CHÚC có nội dung: *"....1/ Tài sản cố định nhà ở được duy trì tu bổ, sửa chữa theo điều kiện kinh tế của thành viên được thừa hưởng để lưu truyền cho con cháo về sau tưởng nhớ đến ông bà, tổ tiên…",* cho thấy đây là di sản dùng vào việc thờ cúng, phù hợp với trình bày của ông Bùi Thế L về việc nhà đất này là nơi để con cháu về ở. Đây là ý nguyện của người để lại di chúc. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chia di sản trên như yêu cầu của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 là trong thời hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng. Án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật trong vụ án và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng một số đương sự vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản thừa kế của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của các đồng thừa kế khác liên quan đến phần đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ B (số mới A) C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận về việc án tuyên vô hiệu các Văn bản khước từ di sản do bà V, ông H3, bà H2, ông L đã ký để chia di sản cho họ theo Di chúc ngày 01/6/1996; chấp nhận yêu cầu phản tố về công nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở đối với tài sản trên cho ông Bùi Thế Q; chia di sản cho ông Bùi Thế N bằng 1/16 giá trị di sản và giao toàn bộ nhà đất tranh chấp cho bà H1, bà T được quản lý, sử dụng.

Xét quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm, tất cả đương sự đều trình bày thừa nhận về nguồn gốc tài sản tranh chấp được tạo lập bởi cụ Trang Ngọc X (mất năm 1987) và cụ Bùi Hữu K (mất năm 1997) mua của T5 (nay là Công ty Q1 ở Thành phố Hồ Chí Minh) theo Hợp đồng số 73/248 ngày 18/10/1973, kèm Giấy chứng nhận đã trả hết tiền nhà số 805/QLNO/CS ngày 25/6/1977 của Công ty quản lý nhà ở và số 21/TCKT-QLKDN ngày 02/8/2006 của Công ty quản lý kinh doanh nhà. Như vậy, đây là tài sản chung của cụ K và cụ X.

Hai cụ có 07 người con chung gồm các ông/bà: Bùi Thế Q; Bùi Thế T3; Bùi Thanh V; Bùi Thế H3 (đã chết, không có con và có vợ là Nguyễn Thị Mỹ A thừa kế, bà A có ý kiến từ chối nhận di sản); Bùi Thanh H2; Bùi Thế L; Bùi Thế N (Jimmy T – đang định cư tại Hoa Kỳ).

Cụ X mất không để lại di chúc. Cụ K có lập di chúc ngày 01/6/1996.

Xét "Di chúc tài sản cố định" ngày 01/6/1996 do cụ K lập:

Về hình thức: di chúc được lập thành văn bản có đại diện chính quyền UBND thị trấn X, huyện L, tỉnh Đồng Nai xác nhận cụ K còn minh mẫn và sáng suốt để ký tên và điểm chỉ trước mặt chính quyền địa phương, trước sự chứng kiến của 06 người con và 01 cháu nội (bà Nguyễn Thị Ngọc D).

Về nội dung: di chúc được cụ Bùi Thế K2 xác định cụ và cụ Trang Ngọc X là vợ chồng, *có 06 người con chung gồm ông Bùi Thế Q, Bùi Thế T3, Bùi Thanh V, Bùi Thế H3, Bùi Thanh H2, Bùi Thế L*. Tài sản cố định có 02 phần: đất có nhà tọa lạc tại số A đường T, khu X, thị xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai và căn nhà diện tích 36m2 tại Cư xá T số B đường C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại mục C của di chúc, cụ K2 đã cho các thành viên trong gia đình được thừa kế, được ủy quyền trước pháp luật các tài sản được sở hữu hợp pháp của vợ chồng cụ; trong đó ông Bùi Thế Q "*được thừa kế, được ủy quyền căn nhà số B Cư xá T đường C, phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh*" do cụ Trang Ngọc X đứng tên. Ngoài ra, bản di chúc còn phân chia cho các thành viên trong gia đình tài sản tại X, L, Đồng Nai.

Ngày 08/3/2006 ông T3, bà V, ông H3, bà H2, ông L có Đơn khước từ di sản thừa kế nội dung: "*...Tất cả chúng tôi là con ông, bà Bùi Hữu K, sinh năm 1917, chết năm 1997 và bà Trang Ngọc X, sinh năm 1928, chết năm 1987....*

***Ngoài những người con kể trên, cha mẹ chúng tôi không còn người con nào khác, kể cả con nuôi, con ngoài giá thú****, ông bà nội ngoại đều đã mất. Cha mẹ chúng tôi được sở hữu tài sản sau đây: - 01 căn nhà số A C, Phường G, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, căn nhà trên do mẹ tôi đứng tên. Mẹ tôi bị bệnh cao huyết áp và chết đột ngột. Sau đó cha tôi có làm tờ di chúc đồng ý cho căn nhà nói trên cho anh tôi là Bùi Thế Q thừa hưởng phần tài sản nói trên. Trước khi chết cha (mẹ) chúng tôi không để lại di chúc. Theo quy định của pháp luật chúng tôi được thừa hưởng phần di sản nêu trên của cha chúng tôi để lại. Sau khi bàn bạc trong gia đình, anh em chúng tôi đã nhất trí nhường cho anh ruột chúng tôi là Bùi Thế Q được quyền thừa kế và định đoạt tài sản nói trên...*". Đơn khước từ có xác nhận của UBND phường. Các ông bà đã làm đơn khước từ di sản không thừa nhận đơn này mà cho rằng chữ ký là giả tạo, song không yêu cầu giám định. Ông Q không thừa nhận tình tiết này nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu độc lập của các ông bà về tuyên vô hiệu Đơn khước từ di sản do giả tạo.

Tuy nhiên, bản "Di chúc tài sản cố định" ngày 01/6/1996 do cụ K lập đã không khai báo người con chung còn sống vào thời điểm lập di chúc là ông Bùi Thế N do hai cụ có tất cả 07 người con chung và các Đơn khước từ di sản của các ông/bà T3, V, H3, H2, L cũng trên cơ sở nội dung di chúc của cụ K cũng không nhắc đến người con chung còn lại là ông Bùi Thế N là khai thiếu người trong diện và hàng thừa kế. Ngoài ra, nội dung của di chúc ghi nhận ý chí của cụ K để cho ông Q thừa kế căn nhà số B Cư xá T đường C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vì đây là tài sản chung của hai cụ nên cụ K chỉ có quyền định đoạt ½ giá trị nhà đất công với phần giá trị cụ K được hưởng thừa kế từ cụ X. Trong bản di chúc, cụ K định đoạt toàn bộ giá trị căn nhà trên là không đúng quy định nên di chúc là vô hiệu một phần, chỉ có hiệu lực đối với phần tài sản thuộc quyền sở hữu và quyền thừa kế của cụ K. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến quyền

lợi của ông N và việc xác định kỷ phần được chia. Do ông N không có mặt tại Việt Nam, không trực tiếp được những người thuộc diện và hàng thừa kế thông báo nên không biết về việc ông không được kê khai là người thuộc diện và hàng thừa kế của cụ X như nội dung di chúc, cũng không thể hiện ý chí từ chối nhận di sản nên Di chúc không được coi là hợp pháp. Đồng thời, các Văn bản khước từ di sản là vô hiệu do kê khai không đầy đủ về người thuộc diện và hàng thừa kế. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của các ông bà Bùi Thế T3, Bùi Thanh H2, Bùi Thế L có cơ sở để chấp nhận.

Đối với phản tố của bị đơn, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất số A C cho ông Bùi Thế Q, chia di sản cho ông Bùi Thế N hưởng 1/16 giá trị di sản: Theo phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có một phần được chấp nhận nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu phản tố và các ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định cần hủy bỏ bản Di chúc tài sản cố định do khai thiếu người thừa kế, dẫn đến các Văn bản khước từ di sản cũng bị hủy bỏ, không phát sinh hiệu lực. Nội dung nhận định này có khác biệt so với nhận định của Bản án sơ thẩm về xác định lý do bị hủy bỏ Văn bản khước từ di sản do hết thời hạn từ chối nhận di sản và phán quyết về hiệu lực của Di chúc. Theo đó, khi di chúc bị hủy bỏ thì di sản được chia đều cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cần xác định nhà đất số A là tài sản chung của cụ K, cụ X nên trường hợp di chúc của cụ K có vô hiệu thì nội dung về việc định đoạt phần tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của cụ, cũng như kỷ phần thừa kế mà cụ được hưởng thuộc về ông Q vẫn là ý chí của người để lại di sản cần được tôn trọng. Đối với phần di sản còn lại của cụ X, cần chia đều cho các đồng thừa kế.

Do đó, án sơ thẩm tuy nhận định và phán quyết chưa chính xác về hiệu lực của Di chúc, về lý do hủy bỏ các Văn bản khước từ di sản nhưng việc xác định kỷ phần thừa kế và phân chia di sản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm. Cụ thể: Việc phân chia được tiến hành trên cơ sở xác định đầy đủ 07 người con chung của hai cụ là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, trong đó bà Mỹ A là vợ của ông H3 (đã chết) từ chối hưởng di sản nên chỉ còn lại 06 người hưởng thừa kế. Phần ông Q được hưởng thừa kế của cụ X bằng 01/14 giá trị di sản, và hưởng thừa kế của cụ K bằng 08/14 giá trị di sản; các ông/bà T3, V, H2, L, N mỗi người được hưởng di sản của cụ X bằng 01/14 giá trị di sản. Các đương sự không yêu cầu tính công sức trông coi, sửa chữa, tôn tạo làm tăng giá trị di sản và xác định ngôi nhà đang tranh chấp có thời gian được vợ chồng ông Q cho thuê để lấy tiền chữa bệnh cho ông Q nên xem như ông đã hưởng lợi tức từ di sản. Hiện tại nhà đang đóng cửa bỏ trống do ông Q đã chết và vợ con ông sinh sống ở nơi khác

nên Tòa án cấp sơ không giải quyết nội dung này và dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác cho các đương sự là phù hợp.

Nguyên đơn và các ông/bà T3, A, H2, L, N đều không kháng cáo là chấp nhận kết quả xét xử sơ thẩm. Riêng bà H1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, tuyên ông Q có quyền sở hữu với toàn bộ di sản và chia cho ông N 1/16 giá trị di sản, nội dung kháng cáo này không có cơ sở để chấp nhận do không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền bà H1 trình bày bà H1 có yêu cầu nhận hiện vật nhưng nội dung này các đồng thừa kế không thống nhất ý chí với nhau nên Hội đồng xét xử chỉ tuyên phân chia di sản theo giá trị, các đương sự có thể tiếp tục thỏa thuận với nhau về vấn đề này trong quá trình thi hành án. Nếu không thoả thuận được thì tài sản tranh chấp được phát mãi để thi hành theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với đề xuất không chia thừa kế do tài sản tranh chấp là tài sản dùng vào việc thờ cúng chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Với những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên phần nội dung tuyên xử về phân chia di sản thừa kế của án sơ thẩm, chỉ điều chỉnh phần cơ sở pháp lý, hiệu lực của bản "Di chúc tài sản cố định".

[3] Về án phí phúc thẩm:

Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận nhưng do bà H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1,

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DSST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (có thay đổi về cách tuyên án).

**Căn cứ**:

Điều 5, Điều 93, khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 631, 632, 633, 636, 647, 649, 650, 652, 653 và 670 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 14, Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1984;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thanh V về việc hủy Di chúc tài sản cố định của ông Bùi Hữu K lập ngày 05/6/1996.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Bùi Thế Q (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị H1, bà Bùi Nguyễn Trang T) về việc công nhận ông Bùi Thế Q được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất số A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thanh V và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L về việc tuyên bố các Đơn khước từ di sản lập ngày 08/3/2006 là vô hiệu do giả tạo.

4. Hủy bỏ các đơn khước từ di sản do bà Bùi Thanh V, ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L lập ngày 08/3/2006.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thanh V về việc chia di sản của bà Trang Thị X1 là nhà đất số A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh:

5.1. Xác định di sản của bà Trang Thị X1 và ông Bùi Hữu K là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất số A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận số 805/QLNO/CS do Công ty quản lý nhà ở cấp ngày 25/6/1977.

5.2. Những người được thừa kế di sản của bà Trang Thị X1 gồm: Ông Bùi Hữu K, ông Bùi Thế Q, ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L, ông Bùi Thế N (J).

5.3. Người được thừa kế di sản của ông Bùi Hữu K là ông Bùi Thế Q.

5.4. Di sản của bà Trang Thị X1 và ông Bùi Hữu K được phân chia như sau:

- Ông Bùi Thế Q (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị H1, bà Bùi Nguyễn Trang T) được hưởng 9/14 (Chín phần mười bốn) giá trị nhà đất A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Bùi Thế T3, bà Bùi Thanh V, bà Bùi Thanh H2, ông Bùi Thế L, ông Bùi Thế N (J) mỗi người được hưởng 1/14 (Một phần mười bốn) giá trị nhà đất số A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM(1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (7);
- Lưu VP(3), HS(2).19b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**